

Số: 12 /BC-QĐT

Bạc Liêu, ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và mức thu nhập bình quân hàng tháng đối với người quản lý và người lao động của Quỹ Đầu tư phát triển Bạc Liêu

Căn cứ tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, “3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ Đầu tư phát triển địa phương áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội”.

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương,

Theo đó, Quỹ Đầu tư phát triển Bạc Liêu (gọi tắt là *Quỹ*) báo cáo tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, tiền thưởng, mức tiền lương, thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của người lao động và người quản lý của Quỹ theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đồng thời, thực hiện việc công khai trên trang thông tin điện tử (*Website*) của Quỹ theo quy định cụ thể như sau:

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng

a) **Nguyên tắc** xác định trả lương, thù lao, tiền thưởng:

- **Nguyên tắc** xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.



Tiền lương đối với người lao động được căn cứ vào mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề và chỉ tiêu kế hoạch năm hoạt động để tính xác định mức tiền lương kế hoạch, gắn với tăng hoặc giảm năng suất lao động và lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề.

Tiền thưởng hàng năm của người lao động được xác định từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Quỹ theo kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Tiền lương, thù lao của người quản lý được xác định gắn với năng suất lao động và hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Tiền thưởng của người quản lý được xác định theo kết quả quản lý, điều hành kết quả xếp loại hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động:

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 là: 2.250.782.236 đồng (bao gồm quỹ thù lao của thành viên ban kiểm soát không chuyên trách là: 38.107.200 đồng). Quyết định số: 02/QĐ-HĐQL ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng quản lý về việc Phê duyệt kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 đối với người lao động của Quỹ.

- Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý:

- Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2021 là: 1.149.191.984 đồng (bao gồm quỹ thù lao của Hội đồng quản lý, trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách). Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của người quản lý Quỹ.

c) Quỹ tiền lương thực hiện

- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2021 là: 2.280.833.543 đồng (bao gồm quỹ thù lao của thành viên ban kiểm soát không chuyên trách là: 38.428.800 đồng). Quyết định số: 03/QĐ-HĐQL ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản lý về việc Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 đối với người lao động của Quỹ.

- Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2021 là: 1.153.717.248 đồng (bao gồm quỹ thù lao của Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách và thành viên giúp việc). Quyết định số: 133/QĐ-UBND

ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 đối với người quản lý Quỹ.

d) Chính sách phân phối tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động:

Thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động.

- Chính sách phân phối tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý

Quỹ:

Thực hiện theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý của Quỹ.

- Hàng tháng Quỹ tạm ứng không quá 80% quỹ lương để trả cho người quản lý và không quá 85% quỹ lương để trả cho người lao động.

2. Báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể theo các biểu mẫu đính kèm:

a) Tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý

+ Biểu mẫu số 2 về báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân năm trước và năm kế hoạch 2022 của người quản lý.

+ Biểu mẫu số 3 về báo cáo tình hình tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của người quản lý năm 2021.

b) Tình hình thực hiện tiền lương, tiền thưởng của người lao động

+ Biểu mẫu số 1 về báo cáo tình hình sử dụng lao động năm trước và kế hoạch 2022 của người lao động.

+ Biểu mẫu số 2 về báo cáo xác định quỹ tiền lương thực hiện năm trước và kế hoạch năm 2022 của người lao động.

+ Biểu mẫu số 3 về báo cáo tình hình thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động năm trước và kế hoạch năm 2022.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 của người quản lý và người lao động, Quỹ xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động được biết để theo dõi, giám sát và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Lao động (kiểm tra, giám sát);
- Ban Kiểm soát (kiểm tra, giám sát);
- Website của Quỹ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dương

BÁO CÁO

TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỜNG BÌNH QUÂN (1) NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-LĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Tiền lương, tiền thưởng, thù lao, thu nhập (tr đồng/tháng)											
				Tiền lương			Tiền thưởng (3)			Thù lao (4)			Thu nhập (5)		
				Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022
1	Phạm Văn Thiều	Chủ tịch Hội đồng	Không chuyên trách				1.09	1.65	1.64	5.46	5.48	5.46	6.55	7.13	7.10
2	Lê Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng	Không chuyên trách				0.98	1.49	1.48	4.68	4.69	4.68	5.66	6.18	7.14
3	Huỳnh Chí Nguyễn	Thành viên Hội đồng	Không chuyên trách				0.77	1.16	1.15	4.21	4.22	4.21	4.98	5.38	5.36
4	Lê Văn Măng	Thành viên Hội đồng	Không chuyên trách				0.77	1.16	1.15	4.21	4.22	4.21	4.27	5.38	
5	Nguyễn Văn Ut	Trưởng Ban kiểm soát	Không chuyên trách				0.54	0.81	1.15	4.21	4.22	4.21		5.03	5.36
6	Nguyễn Văn Dương	Giám đốc	Chuyên trách	27.3	27.4	27.3	0.98	1.49	1.48				28.28	28.9	28.78
7	Võ Minh Chiên	Phó Giám đốc	Chuyên trách	23.4	23.4	23.4	0.88	1.32	1.31				24.28	24.7	24.71
8	Phùng Phong Phương	Kế toán trưởng	Chuyên trách	20.8	20.8	20.8	0.77	1.16	1.15				21.57	22.0	21.95

Ghi chú: (1) tiền lương, thù lao, tiền thưởng được tính bình quân theo tháng và được lấy theo số báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo quyết toán thuế hàng năm.

(2) Chuyên trách/không chuyên trách tại Tập đoàn, Tổng công ty, công ty

(3) Tiền thưởng từ nguồn của Tập đoàn, Tổng công ty, công ty và từ khoản tiền thưởng do được cử đại diện vốn ở doanh nghiệp khác nộp về.

(4) Thù lao từ Tập đoàn, Tổng công ty, công ty và từ khoản thù lao do được cử đại diện vốn ở doanh nghiệp khác nộp về.

(5) Gồm tiền lương, tiền thưởng, thù lao

Người lập biểu

TP.Hành chính- Nhân sự

Bạc Liêu, ngày 1 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Văn Dương

Nguyễn Thị Như Phụng

UBND TỈNH BẠC LIÊU
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Biểu mẫu số 03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-LĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Số TT	Tên công ty	Người quản lý chuyên trách											Người quản lý không chuyên trách									
		Số lượng (người)			Quỹ tiền lương			Quỹ tiền thưởng			Quỹ thù lao		Số lượng (người) (2)			Quỹ thù lao (tr.đồng)			Quỹ tiền thưởng (tr.đồng)			
		Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm trước	Thực hiện năm trước	Kế hoạch năm 2022		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Quỹ Đầu tư phát triển Bạc Liêu	3	3	3	857.9	861.4	857.9	71.4	107.6	107.1			5	5	5	273.3	274	273.3	22.75	34.2	34.1	

Ghi chú: (1) Tính bình quân theo số lượng người quản lý chuyên trách trong năm.

(2) Tính bình quân theo số lượng người quản lý không chuyên trách (bao gồm cả Trưởng ban Kiểm soát viên không chuyên trách) trong năm.

Bạc Liêu, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu
TP.Hành chính - Nhân sự

Nguyễn Thị Như Phụng



Nguyễn Văn Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: Người

TT	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm trước							Kế hoạch sử dụng lao động năm 2022			
		Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch	Trong đó		
				Số từ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số lao động năm trước chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Lao động quản lý	5	5	5	0	0	5	0	6	6	0	0
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	10	10	10	0	1	9,58	0	9	9	1	1
3	Lao động trực tiếp SXKD											
4	Lao động thừa hành, phục vụ	2	2	2	0	0	2	0	2	2	0	0
Tổng cộng		17	17	17	0	1	16,58	0	17	17	1	1

Bạc Liêu, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu
Trưởng phòng HCNS


Nguyễn Thị như Phụng




Nguyễn Văn Dương

UBND TỈNH BẠC LIÊU
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Biểu mẫu số 2
(Quý I hàng năm)

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm trước 2021		Kế hoạch năm nay 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	14.000	16.780	15.200
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	3.250	6.316	3.799
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	7.160	6.875	7.573
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	239	172	276
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động kế hoạch	Người	17		17
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		16,58	
3	Mức lương bình quân trong hợp đồng lao	Tr. đ/tháng	4,998	4,949	5,197
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1000đ/tháng	10,842		11,651
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1000đ/tháng		11,270	
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	618.0		670
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		648	
8	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng			
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	2.211		2.376
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		2.242	
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	276	560	594
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	Tr.đồng/tháng	12,194	14,018	14,577

Ghi chú: (1) năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa lương

Người lập biểu
Trưởng phòng HC-NS

Nguyễn Thị Như Phụng

Bạc Liêu, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Văn Dương

**UBND TỈNH BẠC LIÊU
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

Biểu mẫu số 3

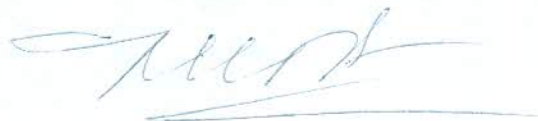
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Số TT	Tên công ty	Chi tiêu sản xuất, kinh doanh									Lao động (người)			Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động (tr.đ/ tháng)		Mức tiền lương bình quân (tr.đ/tháng)		Quỹ tiền lương (tr.đ)			Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tr.đ)				
		Tổng doanh thu (tr.đ)			Lợi nhuận (tr.đ)			Tổng chi chưa có lương (tr.đ)																	
		KH năm trước	TH năm trước	KH năm 2022	KH năm trước	TH năm trước	KH năm 2022	KH năm trước	TH năm trước	KH năm 2022	KH năm trước	TH năm trước		KH năm 2022	KH năm trước	TH năm trước	KH năm 2022	KH năm trước	TH năm trước	KH năm 2022	KH năm trước	TH năm trước	KH năm 2022		
												Theo KH	Thực tế sử dụng BQ												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu	14.000	16.780	15.200	7.160	6.875	7.573	3.250	6.316	3.799	17	17	16,58	17	4,949	5,197	10,842	11.27	11,651	2.211	2.242	2.376	276	560	594
Tổng cộng																									

Người lập biểu

Trưởng phòng Hành chính- Nhân sự



Nguyễn Thị Như Phụng

Bạc Liêu, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Nguyễn Văn Dương